
Bản án số: 534/2021/HS-ST
Ngày: 14 – 12 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 413/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn C, sinh năm 1993 tại Hậu Giang.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Vĩnh T, huyện Vĩ Th, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 3/12; Con ông Trần V và bà Cao Thị Lùng E; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Dương Thị Ngọc N và có 01 con chung sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ (tạm giam) ngày 19/3/2021 (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

2/ Trần M, sinh năm 1993 tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: 49/4 tổ 14, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 8/12; Con ông Trần Quốc T và bà Hứa Thị Thu H; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 20/4/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B kết án 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 216/2011/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2018.

Tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ (tạm giam) ngày 21/4/2021 (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Bị hại:

1/ Ông Nông Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 36, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông Phan Tấn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: 340/12, tổ 30, khu phố 3A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà Thiệu Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 36, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

5/ Chị Phan Thị Vân A, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 9B, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C, Trần M và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ tên địa chỉ) là những người không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 03/02/2021 đến ngày 13/4/2021 M, C và Minh đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ 01: Khoảng 20 giờ ngày 03/02/2021, Trần M rủ Trần Văn C đi trộm cắp tài sản thì C đồng ý. M điều khiển xe mô tô hiệu Attila (không rõ biển số) chở C đi ngang qua nhà anh Nông Văn C tại tổ 14, khu phố 3A, phường T, thành phố B thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 của anh C đang dựng trước nhà và trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên M dừng xe lại cho C đứng canh giới còn M đi vào lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó, M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 của anh C còn C điều khiển xe mô tô của M đi đến phòng trọ của đối tượng Huân (chưa rõ họ, lai lịch) tại khu phố 13, phường T, thành phố B để cất giấu xe mô tô của anh C. Đến khoảng 15 giờ ngày 04/02/2021, M và C đem xe mô tô của anh C đến tiệm cầm đồ “Hùng Dũng” tại số E831, tổ 39, khu phố 5A, phường L, thành phố B và cầm cho ông Lê Văn B (là chủ tiệm) được 8.000.000đ (Tám triệu đồng) rồi chia nhau mỗi người 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 sau khi cầm cho ông Lê Văn B thì Trần Văn C đã cho anh Lê Văn H, ngụ tại tổ 9B, khu phố 4, phường T, thành phố B phiếu cầm đồ để chuộc xe đi bán. Ngày 26/02/2021, anh H đã chuộc xe mô tô trên về và bán lại cho anh Nguyễn Văn C, ngụ tại tổ 3, khu phố 5, phường T, thành phố B. Đến ngày 27/02/2021 anh C đã bán xe mô tô trên cho anh Hồ Văn N, ngụ tại 344, tổ 30, khu phố 8, phường L, thành phố B. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi xe mô tô trên và trả lại cho anh Nông Văn C.

- 01 xe mô tô hiệu Attila (không rõ biển số) do M mượn của đối tượng tên Huân (chưa rõ lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá số 99/KL-HĐĐGTS ngày 29/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 trị giá 13.080.000đ (Mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)”.

Vụ 02: Khoảng 02 giờ ngày 11/03/2021, Trần Văn C và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) rủ nhau đi trộm cắp tài sản. C điều khiển xe mô tô kiểu Dream (không rõ biển số) của Minh chở Minh đi đến điểm bán cây cảnh tại tổ 36, khu phố 3A, phường T, thành phố B của chị Phạm Thị L làm chủ thì phát hiện có nhiều cây cảnh để ở phía ngoài hàng rào nên cả hai đã lấy trộm 02 cây mai vàng. Sau đó, C và M đem 02 cây mai trên đến gửi tại chỗ ở của anh Hoàng Văn H tại địa chỉ tổ 21, khu phố 3A, phường T.

Vật chứng của vụ án: 02 cây mai vàng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị Phạm Thị L.

Tại bản kết luận định giá số 154/KL-HĐĐGTS ngày 09/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “02 cây mai vàng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)”.

Vụ 03: Khoảng 05 giờ ngày 12/03/2021, Trần Văn C và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) rủ nhau đi trộm cắp tài sản. C điều khiển xe mô tô kiểu Dream (không rõ biển số) của Minh chở Minh đi ngang qua nhà anh Phan Tấn C tại số 340/12, tổ 30, khu phố 3A, phường T, thành phố B thì cả hai phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Boss, biển số 39F4-4614 của anh C đang dựng trước nhà và trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên C dừng xe lại để Minh đi vào lấy trộm xe mô tô trên rồi đem về cất giấu tại phòng trọ của Minh ở khu phố 3, phường T. Sau đó, Minh giữ xe mô tô trên lại để sử dụng và cho C 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu Boss, biển số 39F4-4614 do đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) cất giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá số 148/KL-HĐĐGTS ngày 07/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Boss, biển số 39F4-4614 trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)”.

Vụ 04: Khoảng 02 giờ ngày 18/03/2021, Trần Văn C điều khiển xe mô tô kiểu Dream (không rõ biển số) đi trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà chị Thiều Thị H tại tổ 36, khu phố 3A, phường T, thành phố B thì C phát hiện trước nhà có 01 cây mai vàng trồng trong chậu nên C đã lấy trộm rồi đem đến gửi tại chỗ ở của anh Hoàng Văn H tại tổ 21, khu phố 3A, phường T. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị H đã trình báo Công an phường T và qua xác minh thì Công an phường T đã mời C về làm việc rồi lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Ngày 19/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt tạm giam Trần Văn C để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 cây mai vàng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị Thiều Thị Huê.

- 01 xe mô tô kiểu Dream không có biển số do Trần Văn C mượn của đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ). Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá số 153/KL-HDDGTS ngày 09/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01cây mai vàng trị giá 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng)”.

Vụ 05: Khoảng 11 giờ ngày 13/04/2021, Trần M điều khiển xe mô tô biển số 60M6-9839 chở bạn tên Sang (chưa rõ họ, địa chỉ) đi đến khu vực trước tiệm thuốc tây “Thùy Vân” tại tổ 9, khu phố 2, phường T, thành phố B của chị Phan Thị Vân A làm chủ thì dừng xe lại cho Sang vào tiệm tạp hóa gần đó mua hàng. Lúc này, M phát hiện xe mô tô hiệu Vario, biển số 60B6-739.72 của chị Vân A đang dựng trước cửa và trong giỏ xe trên cốp xe bên trái có để 01 chiếc ví nên M đã lên lấy trộm giấu dưới chân. Sau khi Sang mua hàng xong, M chở Sang đi được khoảng 500 mét thì dừng lại và M lấy chiếc ví lên và lục lấy 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), còn chiếc ví và giấy tờ bên trong M vứt bỏ. Đến khoảng 03 giờ ngày 21/4/2021, tổ tuần tra của Công an phường T, thành phố B phát hiện M điều khiển xe mô tô biển số 60M6-9839 có dấu hiệu khả nghi nên đã đưa về làm việc và M đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị Vân A và anh Nông Văn C.

Tại bản Cáo trạng số 430/CT-VKSBBH ngày 12/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Văn C và Trần M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo M, áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo C) đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo C mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

+ Bị cáo M mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 8.600.000đ và anh Phan Tấn C số tiền 3.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo Trần Văn C và Trần M đều đề nghị Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] Theo các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và Biên bản hỏi cung bị can thì bị cáo C và bị cáo M đã thừa nhận về hành trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 03/02/2021 đến ngày 13/4/2021, Trần Văn C, Trần M và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Khoảng 20 giờ ngày 03/02/2021, tại tổ 14, khu phố 3A, phường T, thành phố B bị cáo Trần Văn C và Trần M đã trộm cắp của anh Nông Văn C 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 trị giá 13.080.000đ (Mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

- Khoảng 02 giờ ngày 11/03/2021, tại điểm bán cây cảnh của chị L tại tổ 36, khu phố 3A, phường T, thành phố B bị cáo Trần Văn C và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) đã trộm cắp của chị Phạm Thị L 02 cây mai vàng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Khoảng 05 giờ ngày 12/03/2021, tại số 340/12, tổ 30, khu phố 3A, phường T, thành phố B bị cáo Trần Văn C và đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ) đã trộm cắp của anh Phan Tấn C 01 chiếc xe mô tô hiệu Boss, biển số 39F4-4614 trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Khoảng 02 giờ ngày 18/03/2021, tại tổ 36, khu phố 3A, phường T, thành phố B bị cáo Trần Văn C đã trộm cắp của chị Thiều Thị H 01 cây mai vàng trị giá 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Khoảng 11 giờ ngày 13/04/2021, tại khu vực trước tiệm thuốc tây “Thùy Vân” thuộc tổ 9, khu phố 2, phường T, thành phố B bị cáo Trần M đã trộm cắp của chị Phan Thị Vân A 01 chiếc ví bên trong có 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) và giấy tờ tùy thân của chị Vân A.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn C và Trần M đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo nhận thấy:

- + Bị cáo C là người thực hiện 04 vụ trộm với tổng giá trị tài sản là 21.680.000đ nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo M.

- + Đối với bị cáo M, trong vụ trộm ngày 03/02/2021 thì bị cáo là người chủ mưu, rủ rê bị cáo C tham gia. Nhưng do bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp ít hơn bị cáo C nên bị cáo M chịu mức án thấp hơn bị cáo C.

[5] Xét tình tiết tăng nặng thấy rằng: Bị cáo M đã bị Tòa án nhân dân thành phố B kết án 05 năm 06 tháng tù vào ngày 20/4/2011 (lúc thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 02 tháng 07 ngày), bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 27/4/2018, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo phạm tội lần

này là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo C phạm tội 04 lần thuộc trường hợp **phạm tội 02 lần trở lên** theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Xét thấy trong quá trình điều tra cả hai bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 thuộc sở hữu của anh Nông Văn C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi xe mô tô và trả lại cho anh Nông Văn C.

- 02 cây mai vàng là tài sản của chị Phạm Thị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị Phạm Thị L.

- 01 cây mai vàng là tài sản của chị Thiều Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị Thiều Thị H.

- 01 xe mô tô kiểu Dream không có biển số do Trần Văn C mượn của đối tượng tên Minh (chưa rõ họ, địa chỉ). Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

[8] Về dân sự:

- + Bị hại Nông Văn C, Phạm Thị L, Thiều Thị H và Phan Thị Vân A không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- + Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 là tài sản của anh Nông Văn C sau khi bị cáo C trộm cắp mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, sau đó bị cáo C đưa phiếu hẹn cho anh Lê Văn H để chuộc xe về. Anh H đã bán lại xe mô tô này cho anh Nguyễn Văn C, ngụ tại tổ 3, khu phố 5, phường T, thành phố B. Đến ngày 27/02/2021 anh C đã bán xe mô tô trên cho anh Hồ Văn N, ngụ tại 344, tổ 30, khu phố 8, phường L, thành phố B. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi xe mô tô trên và trả lại cho anh Nông Văn C. Nay anh H yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh H số tiền 8.600.000đ.

- + Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Boss, biển số 39F4-4614 của anh Phan Tấn C do bị cáo C trộm cắp do không thu hồi được nên anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000đ. Xét yêu cầu của anh C phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh C số tiền 3.000.000đ.

[9] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo C phải nộp 580.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Đối với đối tượng tên Minh đã cùng Trần Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do chưa rõ họ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau. Đối với đối tượng tên Huân đã cho Trần Văn C và Trần M gửi 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08, do chưa rõ họ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đang tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau. Đối với anh Hoàng Văn H đã cho Trần Văn C gửi 03 cây mai nhưng không biết là tài sản do Trần Văn C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý. Đối với ông Lê Văn B đã cầm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 nhưng

không biết là tài sản do Trần M và Trần Văn C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý. Đối với anh Lê Văn H đã chuộc chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 rồi đem bán nhưng không biết là tài sản do Trần M và Trần Văn C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý. Đối với anh Nguyễn Văn C và anh Hồ Văn N đã mua 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49M1-102.08 nhưng không biết là tài sản do Trần M và Trần Văn C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Mạnh, áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Cửa):

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Văn C** và **Trần M** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

+ Bị cáo Trần Văn C **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2021.

+ Bị cáo Trần M **01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2021.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 468, Điều 589 Bộ luật dân sự;

+ Buộc bị cáo Trần Văn C phải bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Văn C phải bồi thường cho anh Phan Tấn C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 580.000đ (năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo C, bị cáo M, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Bị hại, NCQLNVLQ (6)
- VKSND thành phố Biên Hòa (1);
- Cơ quan CSĐT công an TP. Biên Hòa (1);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hương

